

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**HUYỆN H**

**TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **68/2021/HNST**

Ngày: 06 – 9 - 2021

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Học

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Quốc Vượng  
2. Ông Trịnh Văn Đoan

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 108/2021/TLST- HNGĐ ngày 13/5/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bạch Văn H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn C, xã H1, huyện Ch, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 7, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

*(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bạch Văn H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bạch Văn H và bà Nguyễn Thị O tự nguyện tìm hiểu và chung sống cùng nhau vào năm 1998, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, (nay là thị trấn T, huyện H), tỉnh Bình Phước). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu

thuần là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm và lo lắng cho nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Bạch Văn H yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị O.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1998. Do con chung đã thành niên nên khi ly hôn ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị O trình bày:* Bà Nguyễn Thị O thống nhất với phần trình bày của ông Bạch Văn H về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và không còn tình cảm với nhau, vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2005 đến nay. Do vợ chồng không còn yêu thương nhau nên ông Bạch Văn H yêu cầu ly hôn thì ông Hai đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1998. Do con chung đã thành niên nên khi ly hôn bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, thành phần các đương sự tham gia vụ án và phiên tòa đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bạch Văn H, cho ông Bạch Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị O; Con chung đã thành niên, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ông Bạch Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà Nguyễn Thị O, hiện nay bà O cư trú tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

*Về quan hệ hôn nhân:* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất vợ chồng có tự nguyện tìm hiểu và chung sống cùng nhau vào năm 1998, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B (nay là thị trấn T, huyện H), tỉnh Bình Phước, do đó hôn nhân giữa ông Bạch Văn H và bà Nguyễn Thị O là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình sống chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không còn yêu thương, quan tâm lo lắng cho nhau. Do mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu ly hôn, bà O đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bên đều thống nhất khi chung sống 2 bên thường xuyên mâu thuẫn, đã không chung sống cùng nhau thời gian dài, không ai còn dành sự quan tâm, lo lắng cho nhau. Tòa án có triệu tập các bên tham gia hoà giải tuy nhiên cả nguyên đơn và bị đơn sự đều không có thiện chí hòa giải, việc đoàn tụ của các bên không còn ý nghĩa. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của các bên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bạch Văn H, cho ông Bạch Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị O.

*Về con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1998. Do con chung đã thành niên nên khi ly hôn đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Bạch Văn H phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bạch Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bạch Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị O.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 10/11/1988 của UBND xã T, huyện B (nay là thị trấn T, huyện H), tỉnh Bình Phước.

- Về con chung: Con chung đã thành niên, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Bạch Văn H phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 023635 ngày 13/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

- THA huyện H;
- Dương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu HS.

**Nguyễn Đình Học**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đình Học**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện H;
- THA huyện H;
- Đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đình Học**